

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1441* /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước
của một số cơ quan, đơn vị tại Quyết định số 2884/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ
Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021,
hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2021-2023;*

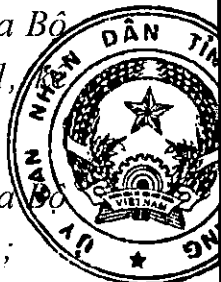
*Căn cứ Quyết định số 2066/QĐ-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm
2021 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 234/TTr-STC
ngày 07 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 đối với các sở, ban, ngành tỉnh đã được giao tại Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Cụ thể như sau:



1. Các cơ quan, đơn vị được điều chỉnh, bổ sung gồm: Sở Tài chính, Sở Văn hóa và Thể thao, Tỉnh đoàn Kiên Giang, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh.

2. Chi tiết nội dung được điều chỉnh, bổ sung: theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 được điều chỉnh, bổ sung; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này, được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị được điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 tại Quyết định này; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *uuep*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- TV UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**GAO ĐỘ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
CƠ QUAN: SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

(Kèm theo Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

6

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
A.	TỔNG THU	6.763
1.	Số thu đơn vị được để lại:	6.763
-	Phí	61
-	Thu dịch vụ	6.702
2.	Số thu đơn vị nộp ngân sách Nhà nước	23
-	Phí	23
B.	TỔNG CHI (I+II)	65.150
I.	Tổng chi ngân sách (1+2)	58.387
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b+c)	56.164
a)	Chi quản lý hành chính (Loại 340- khoản 341)	6.137
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (39 biên chế)	5.867
+	Chi con người ⁽¹⁾	3.952
+	Chi công việc	1.089
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,21 triệu đồng - 1,49 triệu đồng)	826
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ ⁽²⁾	270
b)	Chi sự nghiệp văn hóa thể thao (Loại 130, 160, 220 - khoản 141, 161, 221)	49.600
-	Kinh phí giao tự chủ (170 biên chế)	17.744
+	Chi con người (mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng)	11.921
+	Chi công việc	3.430
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,21 triệu đồng - 1,49 triệu đồng) ⁽³⁾	2.393
-	Kinh phí không giao tự chủ ⁽⁴⁾	31.856
c)	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)	427
-	Kinh phí không giao tự chủ ⁽⁵⁾	427
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm⁽⁶⁾:	2.223
II.	Chi từ nguồn thu được để lại	6.763
1	Chi từ thu phí, lệ phí	61
2	Chi từ thu dịch vụ	6.702

Ghi chú:

(1) Chi con người thuộc nhiệm vụ chi quản lý hành chính bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với biên chế được giao theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng.



thực hiện hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

Kinh phí hành chính không thực hiện chế độ tự chủ:

270 triệu đồng

Sinh hoạt đồng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, hành chính, phối hợp chuyên ngành và chỉ công tác bộ, ngành Trung ương; tham dự hội nghị tập huấn quản lý nhà nước ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết ngành, cụm; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; trang phục thanh tra.

270 triệu đồng

- (3) Năm 2021, nhu cầu lương tăng từ 1,21 - 1,49 triệu đồng của đơn vị 2.759 triệu đồng; nguồn cải cách tiền lương của đơn vị tự cân đối (theo số dự toán) là 366 triệu đồng; còn lại ngân sách nhà nước cấp là 2.393 triệu đồng.

(4) Kinh phí sự nghiệp văn hóa thể thao không giao tự chủ:

31.856 triệu đồng

a) Văn phòng Sở:

6.738 triệu đồng

- Chi sự nghiệp thể thao:

3.088 triệu đồng

- + Chi sự nghiệp thể thao thực hiện hoạt động thường xuyên: tập huấn các lớp khu vực, toàn quốc; kiểm tra cấp phép các cơ sở hoạt động kinh doanh hoạt động thể dục, thể thao; mở lớp tập huấn triển khai Luật Thể dục, Thể thao, các văn bản quản lý Nhà nước; xây dựng Đề án Phát triển thể thao quần chúng; đăng cai lớp tập huấn Chương trình Cứu hộ và PVĐNCTE do TCTDĐT tổ chức ở phía Nam tại huyện Phú Quốc; lớp tập huấn công tác tổ chức Đại hội Thể dục, thể thao các cấp tỉnh Kiên Giang lần thứ IX năm 2021 – 2022 và phương pháp tổ chức các giải thi đấu; công tác chỉ đạo Đại hội TDTT cơ sở; lớp nghiệp vụ hướng dẫn viên cơ sở về chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước; khảo sát cơ sở vật chất thể thao 15 huyện, thành phố; khen thưởng vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế; Hội thi Văn nghệ - thể thao ngành Văn hóa và Thể thao; Tổ chức ngày chạy Olympic; tổ chức kỷ niệm 75 năm Ngày Thể thao Việt Nam; tham dự Giải vô địch dưỡng sinh toàn quốc; phối hợp tổ chức giải Việt dã chính phục Ma Thiên Lãnh xã Lại Sơn huyện Kiên Hải; phối hợp tổ chức, than h lập, tổng kết các Liên đoàn, Hội, thực hiện chương trình phối hợp giữa 02 ngành (Sở VH TT và Công an tỉnh), phối hợp tổ chức Ngày hội gia đình tiêu biểu tại huyện Phú Quốc (tiền thưởng các môn thể thao); kinh phí duy trì trang web của Sở; hội thi Văn nghệ - Thể thao Người cao tuổi; lễ hội văn hóa và thể thao Khmer huyện Gò Quao; công tác phí tham dự các giải thi đấu thể thao trong tỉnh và ngoài tỉnh.

2.017 triệu đồng

- + Thực hiện chương trình của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức: lớp nâng cao huấn luyện viên, trọng tài các môn thể thao; tham gia thi đấu các giải thể thao quần chúng do các liên đoàn, hội quốc gia tổ chức; hội thao gia đình thể thao toàn quốc, cử đoàn cán bộ đi học hỏi rút kinh nghiệm Sea Games 31 tại Hà Nội; tham gia Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch dân tộc Khmer Nam Bộ; tổ chức cuộc thi duyên dáng ngày Hội Khmer,

1.071 triệu đồng

- Chi sự nghiệp văn hóa:

2.700 triệu đồng



trình sự nghiệp văn hóa: Lễ hội Giao thừa, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Đình, thanh tra các hoạt động kinh doanh hoạt động văn hoá, các, công tác phí phục vụ các chương trình; công tác phổ biến tuyên, pháp luật; Tuyên truyền trên đài truyền hình; đặc san văn hóa và Thanh tra các hoạt động kinh doanh hoạt động văn hoá, các lễ hội

985 triệu đồng

+ Nghiệp vụ văn hóa: thẩm định điều kiện cấp giấy phép kinh doanh vũ trường, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa phẩm; khảo sát, rà soát, kiểm tra, thẩm định các công trình, biển bảng quảng cáo và khảo sát, hướng dẫn việc đặt, đổi tên đường, phố, công trình công cộng; thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới; công tác hội nghị, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo thư mời của Trung ương và các tỉnh bạn; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 66 năm ngày truyền thống ngành văn hóa, biên soạn và phát hành sách giới thiệu về các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; rà soát, thống kê công tác văn hóa dân tộc; triển khai thực hiện "Đề án tổng thể quảng cáo ngoài trời và xây dựng, lắp đặt bảng chỉ dẫn các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, tầm nhìn 2040"; tập huấn triển khai các văn bản mới lĩnh vực văn hóa; lập các đề án, hồ sơ khoa học; tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

1.282 triệu đồng

+ Chi sự nghiệp văn hóa (phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"): chi tập huấn nghiệp vụ và triển khai văn bản mới cho cán bộ làm công tác phong trào huyện, xã: 350 đại biểu; "Khảo sát, thu thập thông tin, số liệu để xây dựng kế hoạch xây dựng, tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa cơ sở giai đoạn 2021-2025 tại 15 huyện, thành phố thực hiện theo kế hoạch; Biên tập, in ấn tài liệu, tờ gấp tuyên truyền về phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", hoạt động kiểm tra, giám sát, rà soát việc thực hiện hương ước, quy ước và chỉ đạo các phong trào

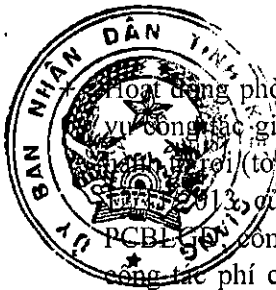
433 triệu đồng

- Chi sự nghiệp gia đình:

950 triệu đồng

+ Công tác gia đình: hoạt động hưởng ứng Ngày Gia đình Việt Nam 28/6; hội thi "Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững" lần thứ III và Ngày hội Gia đình tiêu biểu tỉnh Kiên Giang lần thứ II - tổ chức tại U Minh Thượng; hoạt động đề án tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2020 - 2030; in, treo băng roll cổ động tuyên truyền Ngày Quốc tế hạnh phúc; Ngày Gia đình Việt Nam; Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ; tổng kết thực hiện thí điểm Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình (2019-2021); và hoạt động thường xuyên (Tổ chức chỉ đạo hoạt động gia đình ở 15 huyện, thành phố; tham dự tập huấn, hội thảo nghiệp vụ do Trung ương triệu tập).

497 triệu đồng



Hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình: hội nghị tập huấn về nghiệp vụ công tác gia đình và PCBLGD các cấp trên địa bàn tỉnh; in và phát hành tờ rơi (tờ gấp) tuyên truyền về Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 20/12/2013 của Chính phủ; kinh phí duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ PCBLGD, công tác tham gia hội họp, hội nghị do Trung ương triệu tập; công tác phí chỉ đạo và kiểm tra hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình tại một số huyện, thành phố; hỗ trợ kinh phí duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ "Gia đình phát triển bền vững" của 15 huyện, thành phố; đặc san văn hóa.

453 triệu đồng

b) Thư viện tỉnh, bao gồm:

1.986 triệu đồng

Các hoạt động phục vụ trưng bày sách: "mừng Đảng, mừng Xuân - 2021"; Tổ chức Ngày Sách Việt Nam 21/4; trưng bày, giới thiệu sách phục vụ các lễ hội, các ngày lễ lớn, thực hiện các chương trình phối hợp; vận hành xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện.

Các hợp đồng nghiệp vụ chuyên môn thực hiện trong năm: nâng cấp trang website thuvienkiengiang.vn; hợp đồng xử lý, phòng chống mối, mọt các kho sách; phí Hosting, bảo trì website và trang Opac; hợp đồng hồi cố, phục chế, cho sách của thư viện; thuê tên miền trang website; hợp đồng với Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang về Tạp chí Thư viện Kiên Giang; hợp đồng tiết mục Thư viện truyền thanh.

Mua sách và các trang thiết bị, vật tư cho Thư viện: mua sách thường xuyên để bổ sung sách mới cho các kho sách thư viện phục vụ bạn đọc; mua báo, tạp chí; giá chặn sách cho các kho sách của thư viện; mua máy tính bản phục vụ các hoạt động tương tác sách; mua vật tư trang trí các phòng phục vụ bạn đọc.

Hội nghị, hội thảo, tập huấn: Hội nghị - Hội thảo - Tập huấn, Hội Thi tuyên truyền giới thiệu sách do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Liên hiệp Thư viện Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức; đi trao đổi, học hỏi nghiệp vụ chuyên môn, các mô hình phục vụ ở các thư viện tỉnh bạn.

Các hoạt động hỗ trợ cơ sở: công tác phí đi hỗ trợ nghiệp vụ Thư viện cơ sở; tổ chức tập huấn nghiệp vụ thư viện.

Các hoạt động nghiệp vụ khác: đóng báo, tạp chí; phí vận chuyển sách; phí quản lý, thẩm định, phân chia sách Quý Châu Á; dụng cụ xử lý kỹ thuật sách, báo, tạp chí; trang phục bảo hộ lao động; tiền điện phục vụ đọc giả; đường truyền internet phục vụ đọc giả lưu động trên xe ô tô và tại thư viện; nhuận bút, thù lao ban biên tập trang Website Thư viện; sưu tầm tài liệu địa chí, tài liệu khoa học; tổ chức cuộc thi đại sứ văn hóa đọc; hội thi vẽ tranh theo sách với chủ đề "Nét vẽ Mùa Xuân".

c) Bảo tàng, trong đó:

902 triệu đồng

Trưng bày lưu động tại các xã vùng sâu, vùng biên giới hải đảo, ngày kỷ niệm các sự kiện trong năm, các lễ hội Okombok, Nghinh Ông,.... : trưng bày lưu động tại các xã vùng sâu, vùng biên giới hải đảo, ngày kỷ niệm các sự kiện trong năm tại các huyện; trưng bày phục vụ lễ hội Okombok; trưng bày phục vụ lễ hội Nghinh Ông.



tiếp nhận và trưng bày tại chỗ

tiếp nhận và trưng bày hiện vật (bổ sung hiện vật kho)

tiếp nhận và trưng bày hiện vật phục vụ trưng bày tại các di tích có nhà truyền

thuyết

Công tác sưu tầm hiện vật chuẩn bị cho Bảo tàng mới

Bảo quản, kiểm kê hiện vật Bảo tàng

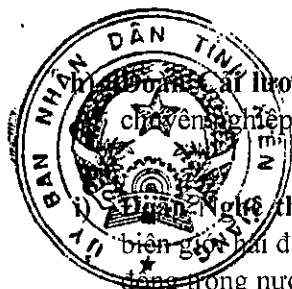
Công tác nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ tại các Bảo tàng khác; tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do Cục Di sản, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; các Trường Đại học tổ chức

Công tác học tập, nghiên cứu mô hình tổ chức hoạt động, trưng bày tại các Bảo tàng phục vụ cho hoạt động Bảo tàng mới (02 đợt)

Phối hợp trưng bày chuyên đề với các Bảo tàng Trung ương (02 cuộc trưng bày)

Dự các đợt tập huấn do Cục Di sản, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức

- d) **Ban Quản lý Di tích:** kiểm kê di tích trong toàn tỉnh; số hóa dữ liệu di tích (Scan và lưu trữ hồ sơ di tích đã được xếp hạng); lập hồ sơ di tích Chiến thắng Lộ Lùc Phi huyện Gò Quao; bảo quản di tích; kinh phí tham dự hội nghị tập huấn ngành và các lớp chuyên môn nghiệp vụ; công tác phí đi kiểm tra, khảo sát chống xâm phạm di tích; chi phí rà soát cắm mốc di tích đã xếp hạng; chi phí khảo sát, lập hồ sơ điều chỉnh bổ sung hồ sơ di tích cấp Quốc gia U Minh Thượng (các huyện Vĩnh Thuận, U Minh Thượng, An Biên, An Minh) và chi phí trình Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch. **380 triệu đồng**
- đ) **Trung tâm Văn hóa:** đi công tác cơ sở; tổ chức Hội nghị CLB GD các huyện, thành trong tỉnh 2 lần/năm; tổ chức chương trình mừng Đảng mừng Xuân năm 2021; dàn dựng chương trình phục vụ kỷ niệm ngày thành lập ĐCS Việt Nam; dàn dựng chương trình phục vụ ngày Quốc khánh; phục vụ Lễ hội Nghinh Ông tại huyện Kiên Hải; phục vụ Lễ hội Tao Đàn Chiêu Anh Các tại thành phố Hà Tiên; phục vụ Giỗ tổ Hùng Vương tại huyện Tân Hiệp; phục vụ Lễ hội Nguyễn Trung Trực năm 2021; tổ chức ngày sân khấu Việt Nam; tham gia hội diễn: đàn hát dân ca ba miền tại Vũng Tàu, hội thi Đờn ca tài tử Nam Bộ tại Cần Thơ, tham gia hội thi Sân khấu Cải lương "Hương sắc Cửu Long" tại Sóc Trăng. **1.330 triệu đồng**
- e) **Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng:** Chỉ hoạt động lưu động phục vụ chính trị; chương trình sự nghiệp khi cấp có thẩm quyền phê duyệt. **570 triệu đồng**
- g) **Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao:** **15.675 triệu đồng**
- Kinh phí hoạt động các đội tuyển (đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu): chi tiền ăn, tiền công, trang phục, luyện tập,...thực hiện theo quy định. **15.227 triệu đồng**
 - Kinh phí đăng cai các giải khu vực và toàn quốc: chi hoạt động đội tỉnh, đội trẻ, năng khiếu đối với các môn thi đấu khi có kế hoạch được phê duyệt cấp có thẩm quyền. **172 triệu đồng**
 - Kinh phí các giải thể thao cấp tỉnh và phối hợp với các ban, ngành: chi hoạt động thi đấu các giải khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nghiệp vụ chuyên môn khác. **276 triệu đồng**



Đóng tiền lương nhân dân: chi hoạt động tham gia hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc 2021, phục vụ biểu diễn nghệ thuật cải lương.

1.615 triệu đồng

Đóng tiền lương Khmer: chi hoạt động phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc Khmer; thanh toán tiền thuê lao động trong nước (hợp đồng 10 người).

1.140 triệu đồng

k) **Công viên Văn hóa An Hòa:** chi tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ; chi tiền điện thấp sáng công cộng; tiền nước; tiền nhiên liệu (xăng tưới cây, cắt cỏ); tiền vệ sinh môi trường; Vật tư văn phòng khác; chi thuê mướn (bảo vệ 04 người + quét dọn vệ sinh công viên 03 người; chi nghiệp vụ chuyên môn (mua hoa trang trí hội xuân)

1.520 triệu đồng

Trên cơ sở các chương trình, dự án nêu trên, Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện đúng quy định hiện hành.

(5) **Kinh phí sự nghiệp đào tạo không giao tự chủ:** thực hiện theo kế hoạch, quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

427 triệu đồng

(6) Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 2.223 triệu đồng (trong đó: chi quản lý hành chính 151 triệu đồng, chi sự nghiệp 2.049 triệu đồng và đào tạo 23 triệu đồng).

(7) Đối với việc tổ chức các cuộc thi mang tính chất đặc thù của ngành, chưa được cấp có thẩm quyền quy định về mức chi giải thưởng và mức chi bồi dưỡng Ban Tổ chức; Ban Giám khảo.... cuộc thi. Căn cứ dự toán giao, tính chất, quy mô của từng cuộc thi, giao Sở Tài chính thẩm định, cho phép đơn vị được vận dụng mức chi tại các văn bản có tính tương đồng, sao cho phù hợp.

(8) Năm 2021, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
**GIÁO ĐỨC TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**
CƠ QUAN: SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

4		Đơn vị tính: triệu đồng
STT	Nội dung	Kinh phí
A.	TỔNG THU	0
B.	TỔNG CHI	13.480
I.	Tổng chi ngân sách (1+2)	13.480
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b)	13.055
a)	Chi quản lý hành chính (Loại 340- khoản 341)	11.250
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (74 biên chế)	10.350
+	Chi con người ⁽¹⁾	6.788
+	Chi công việc	2.068
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,21 triệu đồng - 1,49 triệu đồng)	1.494
-	Kinh phí hành chính không thực hiện chế độ tự chủ ⁽²⁾	900
b)	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 338)	1.805
-	Kinh phí không giao tự chủ ⁽³⁾	1.805
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm⁽⁴⁾	425
II.	Chi từ số thu được để lại	0

Ghi chú:

(1) Chi con người thuộc nhiệm vụ chi quản lý hành chính bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với biên chế được giao theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

(2) Kinh phí hành chính không thực hiện chế độ tự chủ: 900 triệu đồng

- Chi hoạt động lập và giao dự toán, quyết toán, kiểm tra chuyên đề, khóa sổ quyết toán. 292 triệu đồng
- Chi hoạt động chuẩn bị tài liệu báo cáo Hội đồng nhân dân, tuyên truyền phổ biến pháp luật. 90 triệu đồng
- Chi hoạt động quản trị mạng phục vụ Tabmis. 86 triệu đồng
- Chi hoạt động phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm toán. 30 triệu đồng
- Chi hoạt động phối hợp chuyên ngành. 72 triệu đồng
- Chi sửa chữa trụ sở làm việc, trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng 180 triệu đồng
- Chi tiếp khách 150 triệu đồng



Chi sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ:	1.805 triệu đồng
Chi hoạt động nhiệm vụ thanh tra, giám định.	595 triệu đồng
Chi hoạt động khảo sát giá đất, khảo sát giá lúa và phục vụ khảo công sản.	785 triệu đồng
*Chi hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.	54 triệu đồng
- Chi hoạt động soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.	180 triệu đồng
- Chi thù lao nhuận bút công trang thông tin điện tử.	30 triệu đồng
- Chi hoạt động thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	161 triệu đồng
(4) Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại tạo nguồn cải cách tiền lương là 425 triệu đồng (trong đó: chi quản lý hành chính 330 triệu đồng và chi sự nghiệp kinh tế 95 triệu đồng).	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN,
NGÀNH TỈNH**

ĐƠN VỊ: TỈNH ĐOÀN

(Kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

17

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
A.	TỔNG THU	5.118
	Số thu được để lại	5.118
-	Thu dịch vụ, thu khác	5.118
B.	TỔNG CHI (I+II)	22.949
I.	Tổng chi ngân sách (1+2)	17.831
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b+c+d)	17.031
a)	Chi quản lý hành chính (Loại 340- khoản 361)	8.623
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (32 biên chế)	4.445
+	Chi con người ⁽¹⁾	2.903
+	Chi công việc	895
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,21-1,49 triệu đồng)	647
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ ⁽²⁾	4.178
b)	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 161, 091)	7.328
-	Kinh phí giao tự chủ (27 biên chế)	2.245
+	Chi con người (mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng)	1.725
+	Chi công việc	367
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,21-1,49 triệu đồng) ⁽³⁾	153
-	Kinh phí không giao tự chủ ⁽⁴⁾	5.083
c)	Chi sự nghiệp môi trường (Loại 250 - khoản 278)	450
-	Kinh phí không giao tự chủ (5)	450
d)	Chi thường xuyên khác (Loại 400 - khoản 361)	630
-	Kinh phí không giao tự chủ (6)	630
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm ⁽⁷⁾	800
II.	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI	5.118
1.	Chi từ nguồn thu dịch vụ, thu khác	5.118

Ghi chú:



Chức năng, nhiệm vụ chi quản lý hành chính bao gồm:

1/ Chi quản lý, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với biên chế được giao theo mức lương cơ sở và các khoản đóng góp.

2/ Kinh phí thực hiện hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

(2) Kinh phí hành chính không thực hiện chế độ tự chủ: (Văn phòng Tỉnh Đoàn)	4.178 triệu đồng
- Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác Đoàn; cuộc công văn và tiền in tài liệu, bao thư phục vụ các hoạt động tổ chức trong năm.	128 triệu đồng
- Dự họp sơ kết, tổng kết, chuyên đề công tác Đoàn; dự giao ban sơ kết, tổng kết công tác đoàn Cụm sông Hậu; tập huấn công tác đoàn kết tập hợp thanh niên.	111 triệu đồng
- Hoạt động thuộc lĩnh vực tuyên giáo: hội nghị báo cáo viên cấp tỉnh; hội nghị tập huấn đội ngũ cộng tác viên; lễ tuyên dương thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác; hoạt động thanh niên tìm hiểu thân thế, sự nghiệp Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực; lễ thấp nển tri ân nhân kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh Liệt sĩ; hoạt động hội trại kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;...	367 triệu đồng
- Công tác tổ chức - kiểm tra: ngày Đoàn viên; hoạt động giám sát theo Quy định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Ban Chấp hành Trung ương;...	179 triệu đồng
- Hoạt động đoàn kết tập hợp thanh niên: giao lưu cơ sở cai nghiện Kiên Hảo; liên hoan thanh niên các dân tộc chào mừng ngày 26/3; tình nguyện hè; giao lưu hội trại thanh niên Việt Nam-Campuchia; hội nghị sơ kết, tổng kết công tác Hội; chương trình họp mặt nhân kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Thanh niên; kiểm tra công tác Hội;...	770 triệu đồng
- Hoạt động thanh niên nông thôn: triển khai Chương trình Vì một Việt Nam Xanh và tham gia các hoạt động thanh niên nông thôn do Trung ương tổ chức.	102 triệu đồng
- Hoạt động thanh niên công nhân đô thị và lực lượng vũ trang: tổ chức chăm lo, hỗ trợ thanh niên công nhân và người lao động nhân dịp tết Nguyên đán; hoạt động tháng thanh niên; hoạt động tết Quân dân; hành trình "Tuổi trẻ Kiên Giang - vì biển đảo quê hương"; xây dựng công trình thanh niên cấp tỉnh về văn hóa đô thị; hoạt động tháng thanh niên và tháng thanh niên công nhân; tết Trung thu cho con em công nhân và người lao động; hội thi Tin học trẻ khối cán bộ công chức; hội thi sáng tạo trẻ; hội trại Xuân nghĩa tình - tết Biển đảo;...	692 triệu đồng



Hoạt động thiếu nhi trường học: lễ tuyên dương sinh viên 5 tốt, học sinh giỏi huyện, học sinh 3 tốt, các hoạt động chào mừng học sinh - sinh viên ngày hội "Công dân tuổi 18"; hỗ trợ các ban liên ngành, hội học sinh, sinh viên sáng tạo; hội thi các câu lạc bộ, nhóm tiếng Anh; ngày hội việc làm sinh viên; diễn đàn sinh viên 5 tốt cấp tỉnh; giải thể thao cấp tỉnh gắn với công nhận thanh niên khỏe cấp tỉnh; hội thi nhảy hiện đại; hội thi Olympic tiếng Anh; Chương trình lễ khai mạc hè, hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em; hội nghị sơ kết, tổng kết công tác Đoàn - Đội trường học và phong trào thiếu nhi năm học 2020-2021; Chương trình Tiếp sức mùa thi; hội thi nghi thức Đội cấp tỉnh;...

879 triệu đồng

- Công tác tham dự các hoạt động phong trào cơ quan: họp mặt truyền thống 26/3 Đoàn Khu Tây Nam Bắc; tham dự các hội nghị tổng kết về công tác Đoàn - Hội - Ủy ban kiểm tra và sơ tổng kết các chuyên đề, các cuộc vận động do sở, ban, ngành, UBND tỉnh, Tỉnh ủy và Trung ương Đoàn tổ chức. 193 triệu đồng

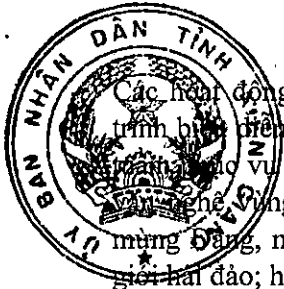
- Hoạt động hỗ trợ thanh niên làm kinh tế 757 triệu đồng

(3) Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị sự nghiệp năm 2021 là 399 triệu đồng. Trên cơ sở dự toán nguồn thu được để lại của các đơn vị theo quy định và nguồn cải cách tiền lương của đơn vị tự cân đối, ngân sách đã tính trừ vào dự toán giao là 246 triệu đồng, còn lại ngân sách cấp là 153 triệu đồng. Đề nghị Tỉnh đoàn chỉ đạo các đơn vị trực thuộc ưu tiên sử dụng nguồn trích 40% cải cách tiền lương từ nguồn thu được để lại để chi trả cải cách tiền lương theo quy định.

(4) Chi sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ: 5.083 triệu đồng

a) Nhà Thiếu Nhi: 2.993 triệu đồng

- Chi phí chung phục vụ các hoạt động: tiền điện, nước phục vụ sân khấu, các lớp tạo nguồn; văn phòng phẩm; Thông tin, tuyên truyền, liên lạc; sửa chữa sân khấu, âm thanh, ánh sáng. 194 triệu đồng
- Mở các lớp tập huấn: thiếu nhi thuộc câu lạc bộ, đội nhóm nông cốt nhà thiếu nhi huyện và nhà thiếu nhi tỉnh; Ban chấp hành liên, chi đội và trại huấn luyện thiếu nhi về nguồn. 86 triệu đồng
- Tham gia tập huấn cán bộ nghiệp vụ cấp Trung ương cho cán bộ cấp tỉnh 33 triệu đồng
- Hội nghị: Ban Chấp hành Hội Đồng Đội Trung ương theo chương trình toàn khóa; Ban Chấp hành Câu lạc bộ phía Nam; tổng kết Câu lạc bộ nghiệp vụ các Nhà thiếu nhi phía Nam; tổng kết hoạt động năm 2021 và triển khai hoạt động năm 2022. 79 triệu đồng
- Hợp đồng giáo viên dạy các lớp tạo nguồn. 63 triệu đồng



Các hoạt động thiếu nhi: tập luyện, dàn dựng, trang phục các chương trình biểu diễn phục vụ theo chủ điểm hàng tháng; tổ chức sân chơi cuối tuần cho các em; phục vụ hoạt động các ngày lễ lớn, chủ điểm hàng tháng; phục vụ các em vùng sâu vùng xa; liên hoan văn hóa thiếu nhi các dân tộc mừng Đảng, mừng Xuân; hoạt động giao lưu kết nghĩa, nghĩa tình biên giới hải đảo; hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng 90 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; ngày hội "thiếu nhi vui khỏe" tiến bước lên Đoàn; hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng ngày thành lập Đội và ngày sinh của Bác; chung kết hội thi tìm hiểu lịch sử Việt Nam; ngày hội văn hóa thiếu nhi Việt Nam; Trại hè kỹ năng thiếu nhi; liên hoan đàn hát dân ca "Em yêu làm điệu dân ca" lần thứ II; liên hoan Tiếng kèn Đội ta; tổ chức hoạt động hội thi, hội diễn Trung thu; dàn dựng và tham gia Festival các cung, nhà thiếu nhi, Trung tâm Hoạt động thanh thiếu niên toàn quốc; ...

2.538 triệu đồng

b) Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu niên:

1.900 triệu đồng

- Hợp đồng lao động theo Đề án Thành lập Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu niên; tiền điện, nước phục vụ các hoạt động. 782 triệu đồng
- Các hoạt động: Đêm hội Trung thu; Ngày hội văn hóa dân gian thanh thiếu niên Mừng Đảng - Mừng Xuân; hoạt động giao lưu kết nghĩa với cán bộ đoàn vùng biên giới, hải đảo; tổ chức sinh hoạt chuyên đề dưới cờ cho các điểm trường trên địa bàn tỉnh. 242 triệu đồng
- Mở các lớp tập huấn, đào tạo: nâng cao kỹ năng cho các câu lạc bộ trực thuộc trung tâm, cộng tác viên và sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh; chuyên viên huấn luyện kỹ năng sống; Trại huấn luyện Leader 24h; kỹ năng giao tiếp; mô hình phát triển kinh tế cho thanh niên trên địa bàn tỉnh; kỹ năng thuyết trình và kỹ năng sư phạm; hoạt động tư vấn, hỗ trợ thanh niên vay vốn khởi nghiệp; hoạt động kỹ năng sống một ngày cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chuyên đề "Học làm người có ích"; huấn luyện kỹ năng giao tiếp và tư vấn hướng nghiệp, tư vấn tâm lý học đường;... 820 triệu đồng
- Tham dự các hội nghị: Ban Chủ nhiệm và tổng kết Câu lạc bộ NV các nhà thiếu nhi, TTHĐ TTN khu vực phía Nam; tổng kết hoạt động năm 2021 và triển khai hoạt động năm 2022,... 56 triệu đồng

c) Trung tâm Dạy nghề thanh niên:

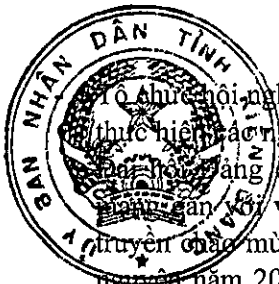
190 triệu đồng

- Công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho thanh niên, công tác đào tạo nghề, tham dự hội nghị tổng kết năm các Trung tâm Dạy nghề toàn quốc, các đợt tập huấn công tác chuyên môn. 190 triệu đồng

(5) Chi sự nghiệp môi trường không giao tự chủ (Văn phòng Tỉnh Đoàn): thực hiện theo kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2021 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 450 triệu đồng

(6) Chi thường xuyên khác không giao tự chủ:
(Văn phòng Tỉnh đoàn) 630 triệu đồng

- Các hoạt động tuyên truyền: nhuận bút trên các bảng tin, Website, tuyên truyền trên Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình phục vụ hoạt động Đoàn Thanh niên. 349 triệu đồng



Tổ chức hội nghị học tập, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Đảng; hội thi trực tuyến tìm hiểu nghị quyết của Đảng các cấp; liên hoan các nhóm tuyên truyền ca khúc cách mạng gắn với văn nghệ thiếu nhi dân tộc, tôn giáo; lễ phát động tuyên truyền chào mừng thành công Đại hội Đảng và Chương trình Xuân tình nguyện năm 2021; Tháng ba biên giới; hội nghị tuyên truyền, nâng cao nhận thức của hội viên, sinh viên về trách nhiệm và quyền bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; liên hoan các đội tuyên truyền măng non về Luật Trẻ em;...

281 triệu đồng

- (7) Tổng tiết kiệm 10% ngân sách giữ lại: 800 triệu đồng (trong đó: quản lý hành chính là 421 triệu đồng và sự nghiệp là 379 triệu đồng).
- (8) Đối với việc tổ chức các cuộc thi, hoạt động mang tính chất đặc thù của ngành, chưa được cấp có thẩm quyền quy định về mức chi giải thưởng và mức chi bồi dưỡng Ban tổ chức; Ban giám khảo; đối tượng tham gia không hưởng lương..... Căn cứ tính chất, quy mô của từng cuộc thi, hoạt động, giao Sở Tài chính thẩm định, cho phép đơn vị được vận dụng mức chi tại các văn bản có tính tương đồng, sao cho phù hợp trong khả năng dự toán được giao.
- (9) Trên cơ sở các chương trình, dự án nêu trên, Tỉnh đoàn chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện đúng quy định hiện hành.
- (10) Căn cứ nội dung công việc và kinh phí được giao nêu trên, đơn vị phân bổ dự toán chi tiết gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/01/2021./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

25

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính: triệu đồng
A.	TỔNG THU	260
1	Số thu đơn vị được để lại	260
-	Thu phí	10
-	Thu sự nghiệp, dịch vụ	250
2	Số thu đơn vị nộp ngân sách	0
B.	TỔNG CHI (I+II)	9.957
I.	Tổng chi ngân sách (1+2)	9.697
1.	Tổng chi ngân sách cấp (a+b+c)	9.386
a)	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)	3.678
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (25 biên chế)	3.498
+	Chi con người ⁽¹⁾	2.307
+	Chi công việc	699
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,21- 1,49 triệu đồng)	492
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ ⁽²⁾	180
b)	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280- khoản 338)	5.388
-	Kinh phí giao tự chủ (22 biên chế)	2.348
+	Chi con người ⁽³⁾	1.528
+	Chi công việc	479
+	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,21- 1,49 triệu đồng)	341
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (4)	3.040
c)	Chi sự nghiệp môi trường không giao tự chủ (5) (Loại 250 - khoản 278)	320
2.	Ngân sách giữ lại 10% tiết kiệm (6)	311
II.	Chi từ nguồn thu được để lại	260
-	Thu phí	10
-	Thu sự nghiệp, dịch vụ	250

Ghi chú:

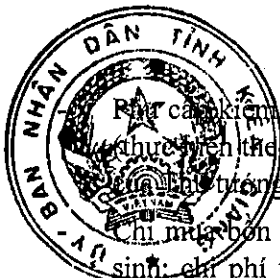
(1) Chi con người thuộc các nhiệm vụ chi quản lý hành chính, bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với biên chế được giao theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng.

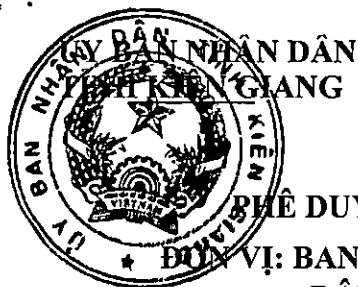


Kính mời thực hiện hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

- | | | |
|---|--|-------------------------|
| Ban Nhân dân tỉnh | hành chính không giao tự chủ: | 180 triệu đồng |
| Hợp giao ban, hợp với các cơ quan ban ngành về các nhiệm vụ phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế Hà Tiên. | | 35 triệu đồng |
| - | Kiểm tra và phối hợp với các cơ quan ban ngành kiểm tra khu công nghiệp, khu kinh tế. | 25 triệu đồng |
| - | Dẫn các nhà đầu tư khảo sát tại Khu công nghiệp Thuận Yên và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên | 30 triệu đồng |
| - | Tổ chức gặp mặt và tham gia gặp mặt với nước bạn Campuchia (04 lần/01 năm) | 40 triệu đồng |
| - | Kêu gọi đầu tư ở các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu | 30 triệu đồng |
| - | Tham gia xúc tiến đầu tư, hội chợ khu kinh tế cửa khẩu | 20 triệu đồng |
| (3) Chi con người thuộc các nhiệm vụ chỉ sự nghiệp kinh tế: tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp đối với biên chế được giao theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng. Riêng đối với Ban Quản lý cửa khẩu Hà Tiên - Giang Thành đã bao gồm kinh phí thực hiện hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. | | |
| (4) | Chỉ sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ: | 3.040 triệu đồng |
| a) | Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế: | 760 triệu đồng |
| - | Chi kết hợp với báo, Đài Phát thanh và Truyền hình và các ngành tuyên truyền, in ấn tài liệu, ... để kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp. | 150 triệu đồng |
| - | Chi công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư, tham gia hội nghị, hội thảo, gặp gỡ các nhà đầu tư ... | 200 triệu đồng |
| - | Chi hoạt động tuyên truyền chính sách pháp luật về lao động | 40 triệu đồng |
| - | Chi cho hoạt động của tổ biên tập Website. | 27 triệu đồng |
| - | Chi công tác kiểm tra về môi trường, đất đai, tình hình triển khai các dự án trong các khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên | 116 triệu đồng |
| - | Báo cáo giám sát môi trường theo quy định của KCN Thạnh Lộc và Thuận Yên | 140 triệu đồng |
| - | Chi phí đào tạo, tập huấn các nghiệp vụ chuyên môn | 87 triệu đồng |
| b) | Trung tâm Phát triển hạ tầng khu kinh tế: | 1.520 triệu đồng |
| - | Chi hoạt động quản lý các khu công nghiệp | 875 triệu đồng |
| - | Chi phí duy tu sửa chữa hạ tầng các khu công nghiệp | 220 triệu đồng |
| - | Bảo trì sửa chữa hệ thống điện các khu công nghiệp | 110 triệu đồng |
| - | Vệ sinh cải tạo hệ thống thoát nước các khu công nghiệp | 120 triệu đồng |
| - | Chăm sóc cây xanh các khu công nghiệp | 159 triệu đồng |
| - | Chi phí lấy rác các khu công nghiệp | 36 triệu đồng |
| c) | Ban Quản lý cửa khẩu Hà Tiên - Giang Thành: | 760 triệu đồng |
| - | Chi sửa chữa Trạm liên hợp cửa khẩu Hà Tiên - Giang Thành | 280 triệu đồng |



- Ban chấp hành nhiệm vụ của các thành viên Ban Quản lý cửa khẩu
(thực hiện theo Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013
của Thủ tướng Chính phủ)
- Chi mua bồn chứa nước, máy bơm nước; chi mua đồ dùng vệ
sinh; chi phí thuê mướn dọn dẹp vệ sinh; chi phí trang trí lễ,
Tết,...02 cửa khẩu Hà Tiên - Giang Thành
- 110 triệu đồng
- 210 triệu đồng
- Chi công tác phí (Hà Tiên - Giang Thành - Campuchia,
đi hội nghị xúc tiến đầu tư) 45 triệu đồng
 - Chi tổ chức hội nghị giao ban giữa 02 cửa khẩu (Việt Nam và
Campuchia) 75 triệu đồng
 - Chi thăm hỏi chúc Tết 02 cửa khẩu Campuchia 40 triệu đồng
- (5) **Chi sự nghiệp môi trường không giao tự chủ:** thực hiện theo **320 triệu đồng**
kế hoạch môi trường năm 2021 của cấp thẩm quyền phê duyệt.
- (6) Ngân sách đã giữ lại 10% chi công việc, sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương là:
311 triệu đồng (trong đó: quản lý hành chính là 98 triệu đồng và hoạt động sự nghiệp là
213 triệu đồng).
- (7) Năm 2021, đơn vị có nguồn thu, tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương
để điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định.
- (8) Trên cơ sở các chương trình, dự án nêu trên, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách
nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện đúng quy định hiện hành.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

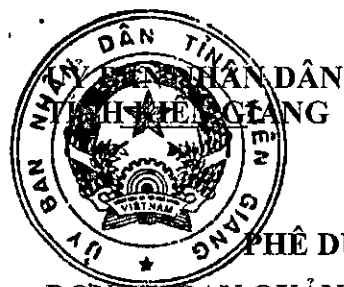
Phụ lục

PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2021
ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH
DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1444 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	DỰ TOÁN THU	
I	Tổng số thu	17.900
1	Nguồn thu các năm trước chuyển sang	7.044
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	10.232
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	0
5	Nguồn thu hợp pháp khác	624
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) - (II) = B	17.900
B	DỰ TOÁN CHI	17.900
1	Tiền lương	2.546
2	Tiền công	581
3	Các khoản phụ cấp lương	738
4	Các khoản trích nộp theo lương	727
5	Chi khen thưởng	150
6	Chi phúc lợi tập thể	100
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	800
8	Chi mua vật tư văn phòng	1.100
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	900
10	Chi hội nghị	100
11	Chi công tác phí	1.250
12	Chi thuê mướn	2.600
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	100
14	Chi đoàn vào	100
15	Khấu hao tài sản cố định	300
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	700
17	Chi phí khác	1.700
18	Dự phòng	1.008
III	Chi không thường xuyên	2.400
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	
2	Mua sắm TTB, tài sản dùng cho quản lý	300
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	150
4	Chi thực hiện tình giảm biên chế (nếu có)	50
5	Chi khác	1.900



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2021
ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 4441 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	DỰ TOÁN THU	
I	Tổng số thu	11.439
1	Nguồn thu các năm trước chuyển sang	2.573
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	8.866
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) - (II) = B	11.439
B	DỰ TOÁN CHI	11.439
1	Tiền lương	2.237
2	Tiền công	170
3	Các khoản phụ cấp lương	297
4	Các khoản trích nộp theo lương	552
5	Chi khen thưởng	100
6	Chi phúc lợi tập thể	250
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	300
8	Chi mua vật tư văn phòng	650
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	250
10	Chi hội nghị	100
11	Chi công tác phí	1.580
12	Chi thuê mướn	950
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	100
14	Chi đoàn vào	100
15	Khấu hao tài sản cố định	200
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	550
17	Chi phí khác	1.200
18	Dự phòng	953
III	Chi không thường xuyên	900
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý	100
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	200
4	Chi thực hiện tình giảm biên chế (nếu có)	200
5	Chi khác	400



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

PHIẾ DUYỆT DỰ TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2021
ĐƠN VỊ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO
THÔNG TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1441 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	DỰ TOÁN THU	
I	Tổng số thu	23.168
1	Nguồn thu các năm trước chuyển sang	10.238
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	12.054
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	500
5	Nguồn thu hợp pháp khác	376
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	4.418
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) - (II) = B	18.750
B	DỰ TOÁN CHI	18.750
1	Tiền lương	3.043
2	Tiền công	318
3	Các khoản phụ cấp lương	750
4	Các khoản trích nộp theo lương	840
5	Chi khen thưởng	200
6	Chi phúc lợi tập thể	200
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	853
8	Chi mua vật tư văn phòng	600
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	400
10	Chi hội nghị	200
11	Chi công tác phí	1.925
12	Chi thuê mướn	810
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài	200
14	Chi đoàn vào	200
15	Khấu hao tài sản cố định	650
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	890
17	Chi phí khác	4.030
18	Dự phòng	1.941
III	Chi không thường xuyên	700
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	500
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	0
4	Chi thực hiện tình giám biên chế (nếu có)	0
5	Chi khác	200